

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2020
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Bảo Châu
2. Bà Đặng Thụy Thùy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 803/2019/TB-TLVA ngày 11 tháng 12 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp PL, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp LTB, xã BL huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(ông C có mặt, bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 09 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị S tự nguyện chung sống từ năm 1983, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng, thường cãi

vả. Mặc dù ông bà đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà S.

Về con chung, ông bà chung sống có 04 con chung tên là Nguyễn Văn L sinh ngày 07/10/1985, Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 27/01/1988, Nguyễn Văn CT1 sinh ngày 12/02/1989 và Nguyễn Văn Trường G sinh ngày 30/10/1991. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 20 tháng 01 năm 2020, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983, không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không hòa hợp. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay, ông C xin ly hôn, bà đồng ý. Ông bà có 04 con chung tên là Nguyễn Văn L sinh ngày 07/10/1985, Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 27/01/1988, Nguyễn Văn CT1 sinh ngày 12/02/1989 và Nguyễn Văn Trường G sinh ngày 30/10/1991. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn C và bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày thống nhất với nhau như sau: Ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị S tự nguyện chung sống từ năm 1983, được mọi người công nhận là vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông C và bà S chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, không hòa hợp, thường cãi vả. Ông C và bà S đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Như vậy, ông C và bà S có đủ điều kiện kết hôn, tuy chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn nhưng ông C và bà S đã xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ vào điểm a mục 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày

09/6/2000 của Quốc hội, quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị S là hợp pháp. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Bà S cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C.

[2.2] Về con chung: Ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị S thống nhất có 04 con chung tên là Nguyễn Văn L sinh ngày 07/10/1985, Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 27/01/1988, Nguyễn Văn CT1 sinh ngày 12/02/1989 và Nguyễn Văn Trường G sinh ngày 30/10/1991. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về quan hệ tài sản chung.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Huỳnh Văn C phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

- Về con chung: Ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị S có 04 con chung tên là Nguyễn Văn L sinh ngày 07/10/1985, Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 27/01/1988, Nguyễn Văn CT1 sinh ngày 12/02/1989 và Nguyễn Văn Trường G sinh ngày 30/10/1991. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Huỳnh Văn C đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng

án phí theo Biên lai thu số 01591 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- UBND x.Bàn Long – CT - TG;
- UBND x. Phú Phong – CT – TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Trúc